

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 175/2024/QH15 của Quốc hội về việc thành lập thành phố Huế trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; ”.

Xét Tờ trình số 16481/TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố tại về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 của Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế).

“2. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương:

a) Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương (thành phố, xã) theo Bảng sau:

TT	Địa phương	Tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương (%)		Ghi chú
		Thành phố	Xã	
1	Xã A Lưới 1	80	20	Áp dụng trên địa bàn các xã theo Nghị quyết số 1314/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của thành phố Huế giai đoạn 2023 - 2025: xã Hồng Thủy, xã Hồng Vân, xã Trung Sơn, xã Hồng Kim.

TT	Địa phương	Tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương (%)		Ghi chú
2	Xã A Lưới 2	80	20	Áp dụng trên địa bàn các xã, thị trấn theo Nghị quyết số 1314/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của thành phố Huế giai đoạn 2023 - 2025: xã Hồng Bắc, thị trấn A Lưới, xã Quảng Nhâm, xã A Ngo.
3	Xã A Lưới 3	80	20	Áp dụng trên địa bàn các xã theo Nghị quyết số 1314/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của thành phố Huế giai đoạn 2023 - 2025: xã Sơn Thủy, xã Hồng Thượng, xã Phú Vinh, xã Hồng Thái.
4	Xã A Lưới 4	80	20	Áp dụng trên địa bàn các xã theo Nghị quyết số 1314/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của thành phố Huế giai đoạn 2023 - 2025: xã Hương Phong, xã A Roàng, xã Đông Sơn, xã Lâm Đót.
5	Xã A Lưới 5	80	20	Áp dụng trên địa bàn các xã theo Nghị quyết số 1314/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của thành phố Huế giai đoạn 2023 - 2025: xã Hương Nguyên, xã Hồng Hạ.
6	Phường Phong Dinh	30	70	Áp dụng trên địa bàn xã theo Nghị quyết số 1314/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của thành phố Huế giai đoạn 2023 - 2025: xã Phong Chương.
7	Phường Phong Phú	30	70	Áp dụng trên địa bàn xã theo Nghị quyết số 1314/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của thành phố Huế giai đoạn 2023 - 2025: xã Phong Thạnh.

TT	Địa phương	Tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương (%)		Ghi chú
8	Xã Phú Vinh	35	65	Áp dụng trên địa bàn xã theo Nghị quyết số 1314/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của thành phố Huế giai đoạn 2023 - 2025: xã Phú Diên.
9	Xã Phú Vang	35	65	Áp dụng trên địa bàn xã theo Nghị quyết số 1314/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của thành phố Huế giai đoạn 2023 - 2025: xã Phú Gia.
10	Xã Vinh Lộc	35	65	Áp dụng trên địa bàn xã theo Nghị quyết số 1314/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của thành phố Huế giai đoạn 2023 - 2025: xã Giang Hải.
11	Xã Phú Lộc	35	65	Áp dụng trên địa bàn xã theo Nghị quyết số 1314/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của thành phố Huế giai đoạn 2023 - 2025: xã Lộc Bình.
12	Xã Chân Mây - Lăng Cô	35	65	Áp dụng trên địa bàn xã theo Nghị quyết số 1314/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của thành phố Huế giai đoạn 2023 - 2025: xã Lộc Vĩnh.

b) Đối với các công trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng hoặc công trình do sở, ban, ngành thành phố làm chủ đầu tư trước khi thực hiện sắp xếp bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp thì ngân sách thành phố chịu trách nhiệm đối ứng.

c) Đối với các công trình do Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư nhưng UBND cấp huyện chưa bố trí đủ phần đối ứng của ngân sách cấp huyện trước khi thực hiện sắp xếp bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, hỗ trợ bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã không đảm bảo nguồn kinh phí đối ứng.

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức

phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế)

1. Thay thế cụm từ “tỉnh Thừa Thiên Huế” bằng cụm từ “thành phố Huế” tại Điều 1; khoản 6 Điều 4; điểm a khoản 2 Điều 13.
2. Thay thế cụm từ “các huyện, thị xã, thành phố Huế” bằng cụm từ “các xã, phường”, cụm từ “UBND cấp huyện” bằng cụm từ “UBND cấp xã” tại khoản 1 Điều 2.
3. Thay thế từ “tỉnh” bằng cụm từ “thành phố” tại khoản 1, khoản 6 Điều 4; khoản 3 Điều 6; điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 7; điểm a, b khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 8; điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 9; điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 10; khoản 3 Điều 11; điểm a khoản 2 Điều 13.
4. Thay thế cụm từ “cấp tỉnh” bằng cụm từ “thành phố” tại khoản 1 Điều 2; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 7; điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 8; điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 10; khoản 1 Điều 11; điểm a khoản 2 Điều 13.
5. Thay thế cụm từ “các huyện” bằng cụm từ “các xã, phường” tại khoản 1, khoản 4 Điều 7; Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 10; Điều 11.
6. Thay thế cụm từ “(cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)” bằng cụm từ “(thành phố, xã/phường)” tại điểm b khoản 2 Điều 9; cụm từ “(tỉnh, huyện, xã)” bằng cụm từ “(thành phố, xã/phường)” tại khoản 2 Điều 13.
7. Thay thế cụm từ “huyện nghèo”; “huyện nghèo A Lưới” bằng cụm từ “các xã A Lưới 1, A Lưới 2, A Lưới 3, A Lưới 4, A Lưới 5” tại khoản 3 Điều 3; khoản 3 Điều 4; điểm a khoản 1 Điều 5; khoản 2 Điều 6; khoản 3 Điều 6; điểm b, điểm c khoản 1 Điều 7; điểm b, điểm c khoản 2 Điều 7; điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 8; tên Điều 9 và khoản 1 Điều 9; điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 10; khoản 2, khoản 3 Điều 11.
8. Thay thế cụm từ “huyện khu vực miền núi” bằng cụm từ “các xã khu vực miền núi” tại khoản 2 Điều 4;
9. Thay thế cụm từ “Cục Thống kê tỉnh” bằng cụm từ “Thống kê thành phố” tại khoản 4 Điều 4.
10. Thay thế các cụm từ “huyện, xã”, “cấp huyện, xã” bằng cụm từ “xã, phường” tại điểm a khoản 2 Điều 13.
11. Bãi bỏ quy định “Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện” tại khoản 2 Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 7; điểm b khoản 1 Điều 8; điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 10; khoản 2 Điều 11”.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 28 tháng 11 năm 2025.
2. Quy định chuyển tiếp

Đối với dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định hỗ trợ trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục triển khai thực hiện theo quyết định đã được phê duyệt.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Huế khóa VIII, Kỳ họp chuyên đề lần thứ 28 thông qua ngày 18 tháng 11 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: TC; NN&MT;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- BTV Đảng ủy các cơ quan Đảng thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố; UBMTTQVN thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TT.HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo thành phố; Công TTĐT thành phố;
- VP: Lãnh đạo và các CV;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Trường Lưu